

Chính sách phát triển

Bài giảng 13

Các vấn đề và tranh luận hiện nay

James Riedel

Chiến lược công nghiệp hóa trong thập niên 60

Nội dung chính của chiến lược thay thế nhập khẩu

1. Vai trò dẫn đầu của nhà nước
2. Nhu cầu về chiến lược “Cú hích lớn” / “tăng trưởng cân bằng”
3. Chiến lược tăng trưởng không cân bằng cũng được đề xuất
4. Cần cú hích lớn của viện trợ nước ngoài để cất cánh
5. Bi quan xuất khẩu.

Thương mại và chiến lược công nghiệp hóa thời kỳ 1990

Nội dung chính

- Chiến lược thúc đẩy xuất khẩu thay thế ISI như là quan điểm chính thống
- Tăng trưởng TFP thay thế tích lũy vốn
- “Định giá đúng” trở thành khẩu hiệu thời thượng
- SOEs phải tư nhân hóa
- FDI là tốt, nhưng đầu tư gián tiếp là nguy hiểm (khủng hoảng nợ Latin)
- Viện trợ nước ngoài cần sử dụng để thúc đẩy cải cách, không phải xây dựng cơ sở hạ tầng
- Đồng thuận Washington ra đời

Chiến lược công nghiệp hóa thời kỳ 2012

Nội dung chính

- Không có ý tưởng lớn, nhưng có nhiều con đường đi đến phát triển (Rodrik)
- Vốn ngoại vẫn nguy hiểm (Mexico 1994; Asia 1997, Argentina 2002)
- Toàn cầu hóa có mặt trái (Đại Suy thoái 2009-10)
- Đồng thuận Washington là một từ bần
- Vấn đề không phải là định giá đúng, mà là thiết lập thể chế đúng (Acemoglu/Robinson)
- Không phải vĩ mô, mà là vi mô mới quan trọng (Banerjee/Duflo)
- Mọi thứ đều qui về chuỗi giá trị toàn cầu
- EOI dẫn đến bất thu nhập trung bình
- Chính phủ phải thúc đẩy nền kinh tế lên chuỗi cung ứng toàn cầu

Hausmann/Rodrik (2003) “Phát triển kinh tế là điều tự khám phá”

Quan điểm chính thống hiện nay: tăng trưởng kinh tế đòi hỏi công nghệ nước ngoài (mở cửa) và thể chế tốt (quyền sở hữu). H/R lập luận chống lại qua điểm này:

- Trong thập niên 1990s, Mỹ Latin theo toa thuốc chính thống này, nhưng thất bại (thu nhập bình quân đầu người so với Mỹ giảm từ 18% xuống 23%. Giữa 1985 và 2000).
- Các con hổ châu Á không theo đơn thuốc này (với mức độ bảo hộ cao và nhiều yếu kém về thể chế), nhưng tăng trưởng rất nhanh.

Công nghiệp hóa thành công đòi hỏi các nhà đầu tư phải biết (phát hiện) mình giỏi làm gì. Nhưng nhà đầu tư sẽ nắm bắt chỉ một phần nhỏ giá trị khám phá về mặt xã hội, vì những người khác sẽ bắt chước theo khám phá này. Kết quả:

- Sẽ có quá ít đầu tư khám phá trong giai đoạn đầu
- Và sẽ có quá nhiều đa dạng hóa sản xuất trong giai đoạn sau

Những đặc lợi do chính sách công nghiệp tạo ra sẽ kích thích khám phá, nhưng để hiệu quả cần có những biện pháp để hợp lý hóa ngành và lập kỷ cương với doanh nghiệp chi phí cao. Theo H/R điều này xảy ra ở Đông Á, nhưng không có ở Mỹ Latin.

Rodrik (2006) “Chính sách công nghiệp cho thế kỷ 21st”

Nền tảng của chính sách công nghiệp là dựa trên hai thất bại thị trường:

Ngoại tác thông tin:

“giá cả thị trường không thể hiện khả năng lợi nhuận của việc phân bổ nguồn lực vốn chưa tồn tại.” Rodrik đề xuất chính sách “cây gậy và củ cà rốt.

Củ cà rốt: hạn định thương mại hay trợ cấp

Cây gậy: yêu cầu và giám sát thực hiện

Ngoại tác điều phối

“Nhiều dự án đòi hỏi nhiều đầu tư cùng lúc để có lợi”

“thất bại trong điều phối gây thiệt hại lớn cho khả năng phối hợp quyết định đầu tư và sản xuất của doanh nghiệp khác nhau”

Tóm lại: “tăng trưởng nhanh liên tục ở thế giới đang phát triển đòi hỏi các chính sách chủ động điều kiện chuyển đổi cơ cấu và phát triển ngành mới, đưa quốc gia lên nấc thang lợi thế so sánh cao hơn”

Rodrik (2006) “Chính sách công nghiệp cho thế kỷ 21”

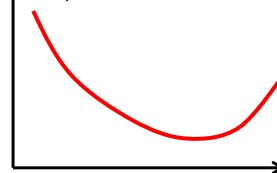
Thực tế khó xác định ngoại tác, nên lập luận của Rodrik là dựa trên bằng chứng (Imbs and Wacziarg, 2003 and Bailey and Lederman, 2006) cho rằng lợi thế so sánh không có tác dụng như lý thuyết dự báo.

Imbs and Wacziarg chỉ ra rằng giá trị gia tăng và việc làm trở nên đa dạng hóa (không chuyên môn hóa hơn) giữa các ngành khi thu nhập bình quân đầu người tăng lên (ngược với lý thuyết lợi thế so sánh)

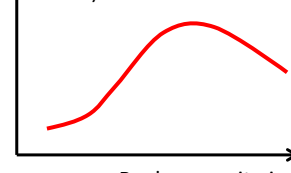
Baliley and Lederman chỉ ra rằng hàng xuất khẩu cũng trở nên đa dạng hóa giữa các sản phẩm khi thu nhập bình quân đầu người tăng, đa dạng hóa chủ yếu xuất phát từ xuất khẩu sản phẩm mới.

Từ những phát hiện này, **Rodrick** khẳng định rằng “bất kể điều gì đóng vai trò làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, thì đó cũng không phải động lực của lợi thế so sánh như người ta vẫn nghĩ.”

Chỉ số qui tụ ngành về giá trị gia tăng và việc làm (hệ số Gini)



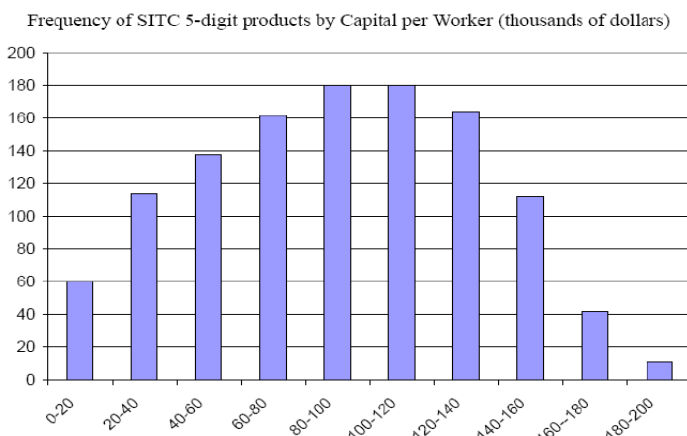
Chỉ số đa dạng hóa sản phẩm hàng xuất khẩu (Hirschman index)



Real per capita income

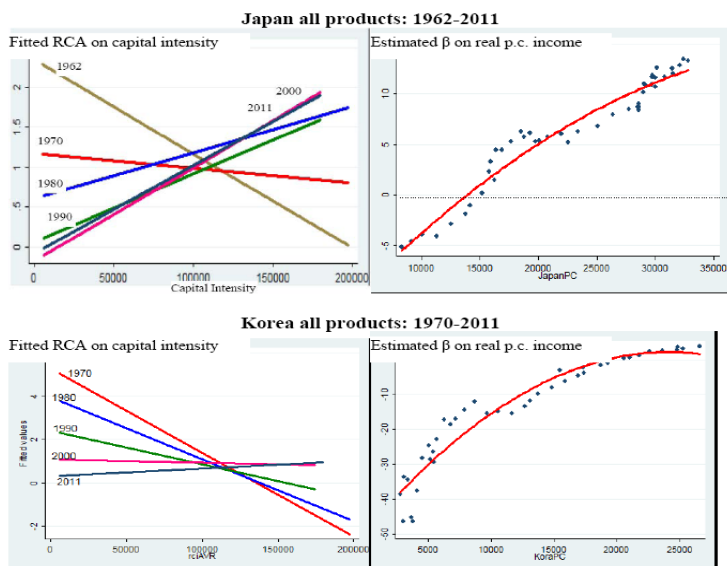
Sản lượng, việc làm và đa dạng hóa xuất khẩu trong con đường phát triển kinh tế: một lý giải khác

Số lượng sản phẩm phân loại theo mức độ thâm dụng vốn gia tăng, đạt đỉnh sau đó giảm khi thu nhập bình quân đầu người tăng. Khi đó khu vực lợi thế so sánh được mở rộng.

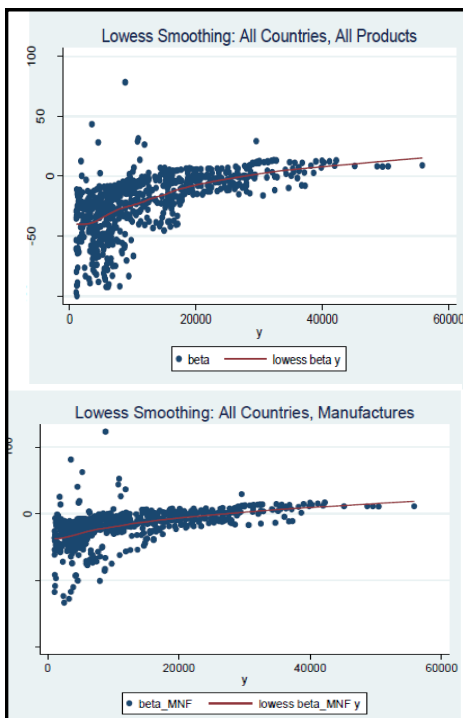


Pham and Riedel (2013) “An Assessment of the Dynamics of Comparative Advantage”

Động năng của lợi thế so sánh



Pham and Riedel (2013) "An Assessment of the Dynamics of Comparative Advantage"

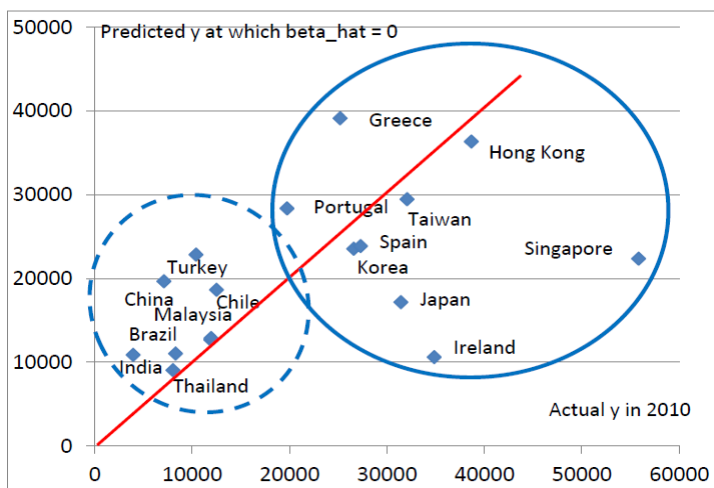


Dependent Variable: $\hat{\beta}$	All Products	Manufactures
$\ln(y)$	16.98	18.49
(t-statistic)	(37.82)	(34.27)
Constant	-154.65	-174.72
(t-statistic)	(48.00)	(-39.48)
R-squared	0.90	0.89
Root MSE	3.94	4.19
Number of obs	726	726
F-statistic	454	473
DF test for co-integration	-9.30***	-7.60***
y at which $\hat{\beta}=0$	\$9,025	\$12,700

Pham and Riedel (2013) "An Assessment of the Dynamics of Comparative Advantage"

Động năng của lợi thế so sánh

Các nước bên dưới vạch vàng đã chuyển tiếp từ hàng xuất khẩu tương đối thâm dụng lao động sang tương đối thâm dụng vốn.



Pham and Riedel (2013) "An Assessment of the Dynamics of Comparative Advantage"

Chiến lược công nghiệp hóa trong kỷ nguyên Chuỗi cung ứng toàn cầu

Baldwin (2012) "chuỗi cung ứng toàn cầu đã chuyển đổi thế giới. Nó cách mạng hóa các chọn lựa phát triển đối với các nước nghèo – giờ họ có thể gia nhập chuỗi cung ứng thay vì phải đầu tư nhiều thập niên để tạo ra chuỗi cung ứng cho chính mình."

"Việc đưa ra hải ngoại các công đoạn sản xuất chế tạo thâm dụng lao động và sự dịch chuyển công nghệ quốc tế liên quan đã phát động tăng trưởng định hình kỷ nguyên ở các thị trường mới nổi – sự thay đổi đã ươm dưỡng và được ươm dưỡng nhờ cải cách chính sách nội địa."

"Khoảng cách thu nhập lịch sử đang thu hẹp khi phía Bắc giảm công nghiệp hóa và phía Nam công nghiệp hóa – sự thay đổi vận mạng này đã hình thành nên sự thay đổi kinh tế toàn cầu mạnh mẽ nhất trong 100 năm qua."

"Tuy nhiên, chuỗi cung ứng toàn cầu bản thân nó cũng tiến hóa nhanh chóng. Thay đổi một phần là do tác động của chính nó (hội tụ thu nhập và tiền lương) và một phần do những đổi mới sáng tạo công nghệ thông tin liên lạc nhanh chóng, chế tạo điều khiển bằng máy tính, in 3D..."

Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghiệp hóa trước chuỗi cung ứng toàn cầu

Giai đoạn đầu của toàn cầu hóa: hơi nước giúp biến thành sự thật, lợi thế theo qui mô mang lại lợi nhuận

Trong thế giới trước toàn cầu hóa mỗi ngôi làng đều dùng hết những gì họ sản xuất ra. Sản xuất và tiêu dùng được liên kết thông qua công nghệ vận tải nghèo nàn.

Cuộc cách mạng hơi nước, đặc biệt ngành đường sắt và tàu thủy đã giúp thu hẹp về không gian giữa sản xuất và tiêu dùng, bắt đầu từ thập niên 1830 và tăng tốc trong thập niên 1870.

Một khi đã khả thi về công nghệ, lợi thế theo qui mô và lợi thế so sánh giúp toàn cầu hóa mang lại lợi nhuận.

Giai đoạn đầu của toàn cầu hóa: một số dữ kiện

1. Động cơ hơi nước làm giảm chi phí thương mại và giúp sản xuất qui mô lớn có lợi nhuận, tạo chu kỳ liên tục trong đổi mới sáng tạo sản xuất và gia tăng thu nhập ...

Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghệ trước chuỗi cung ứng toàn cầu

Giai đoạn đầu của toàn cầu hóa: một số dữ kiện

2. Công nghiệp hóa phía Bắc và phi công nghiệp hóa phía Nam

Mức công nghiệp hóa bình quân đầu người, 1760-1913 (UK in 1900 = 100)

	1750	1800	1830	1860	1880	1900	1913
France	9	9	12	20	28	39	59
Germany	8	8	9	15	25	52	85
Italy	8	8	8	10	12	17	26
Russia	6	6	7	8	10	15	20
UK	10	16	25	64	87	100	115
Canada		5	6	7	10	24	46
USA	4	9	14	21	38	69	126
Japan	7	7	8	7	9	12	20
China	8	6	6	4	4	3	3
India-Pakistan	7	6	6	3	2	1	2
Brazil				4	4	5	7
Mexico				5	4	5	7

Source: Table 9, Bairoch (1982); UK in 1900 = 100

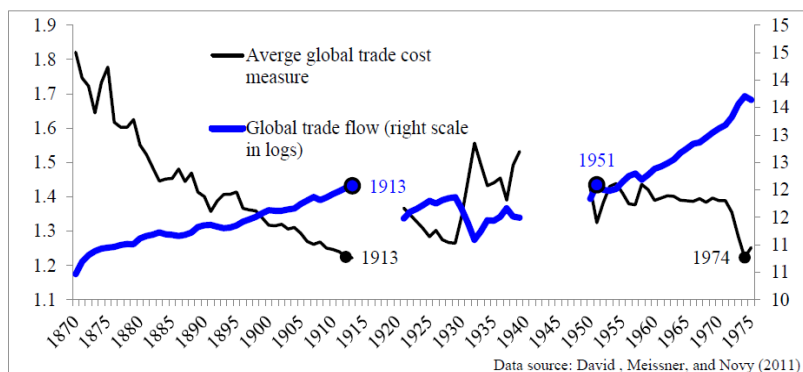
3. Hội tụ thu nhập Bắc Nam

Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghệ trước chuỗi cung ứng toàn cầu

Giai đoạn đầu của toàn cầu hóa: một số dữ kiện

4. Bùng nổ thương mại và di cư lao động

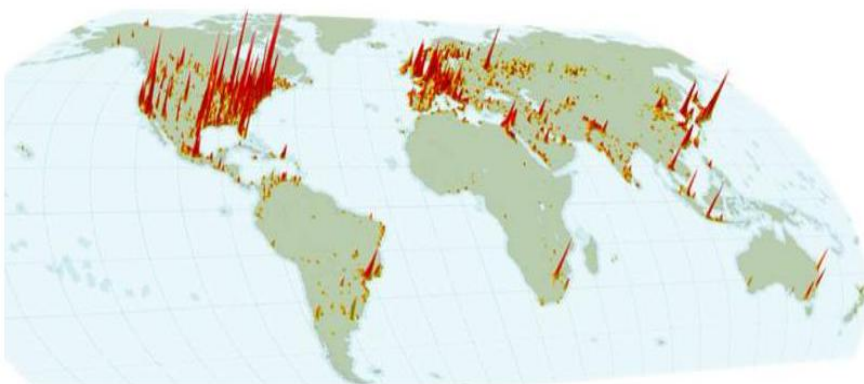


Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghệ trước chuỗi cung ứng toàn cầu

Giai đoạn đầu của toàn cầu hóa: một số dữ kiện

5. Sản xuất theo cụm địa phương và phân tán trên toàn cầu



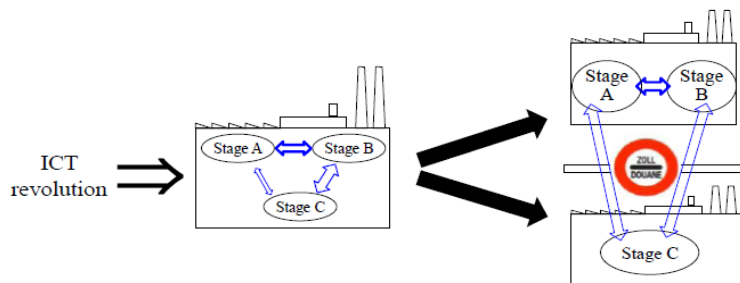
Thế giới không phẳng (Thomas Friedman), mà đầy gai (Florida)

Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghệ trong kỷ nguyên chuỗi cung ứng toàn cầu

Giai đoạn 2 của toàn cầu hóa: ITC biến mọi chuyện có thể, khác biệt tiền lương giúp có lợi nhuận

- Điều phối sản xuất (đầu vào, công nghệ, con người, thông tin) trong một nhân tố đơn nhất ít tổn kém và rủi ro
- Cuộc cách mạng ITC giúp việc phối hợp thuận lợi giữa khoảng cách và khác biệt tiền lương giữa các nước trở nên có lợi.



Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghệ trong kỷ nguyên chuỗi cung ứng toàn cầu

Giai đoạn 2 của toàn cầu hóa: sự nổi lên của chuỗi cung ứng toàn cầu

- GSC dẫn đến sự gia tăng đại trà thương mại liên vùng với một nhóm sản phẩm hẹp

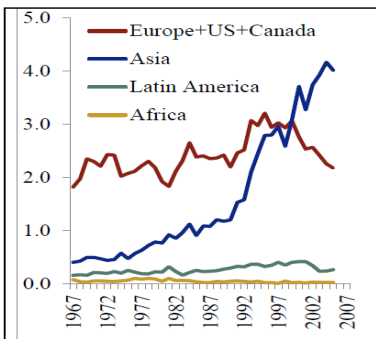


Figure 4: Regional measures of 21st century trade, 1967-2004

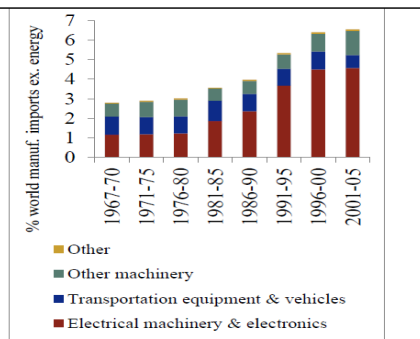


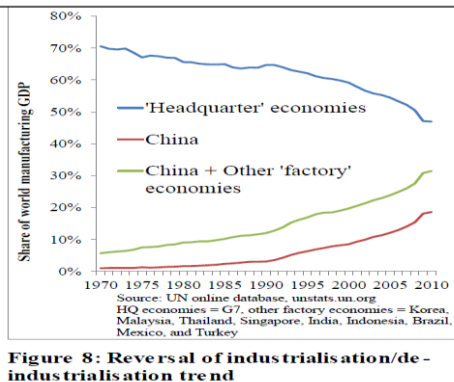
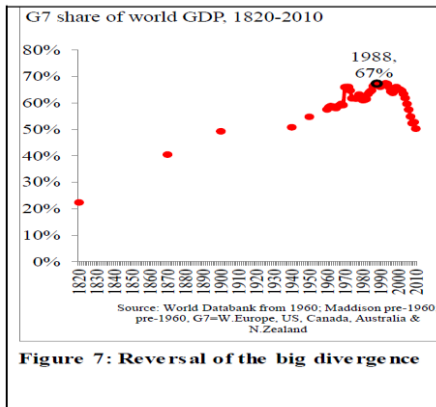
Figure 5: Sector measures of 21st century trade, 1967-2004

Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghệ trong kỷ nguyên chuỗi cung ứng toàn cầu

Sự nổi lên của chuỗi cung ứng toàn cầu hóa thay đổi thế giới như thế nào

1. Đảo chiều sự phân kỳ thu nhập
2. Nam công nghiệp hóa, Bắc giảm công nghiệp hóa

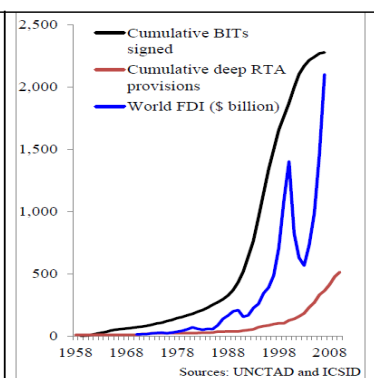
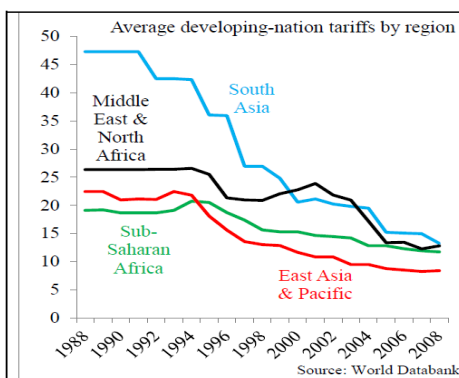


Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghệ trong kỷ nguyên chuỗi cung ứng toàn cầu

Sự nổi lên của chuỗi cung ứng toàn cầu hóa thay đổi thế giới như thế nào

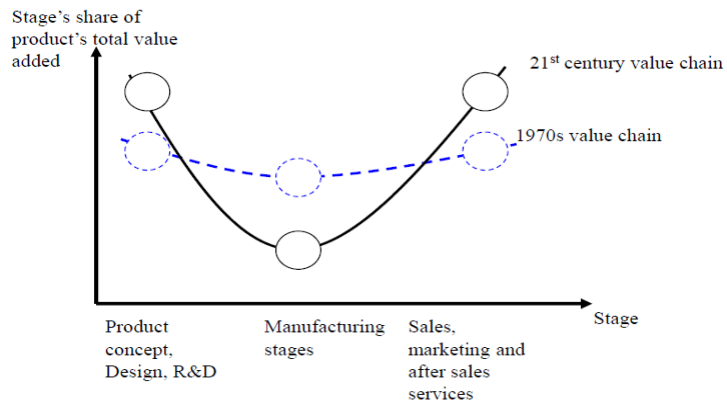
3. Nền kinh tế chính trị tự do hóa mới – gia nhập các nước trong chuỗi toàn cầu hóa đòi hỏi phải hạ thấp rào cản thương mại và tham gia hiệp định thương mại



Richard Baldwin (2012), "Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter..."

Chiến lược công nghệ trong kỷ nguyên chuỗi cung ứng toàn cầu

Đường cong hạnh phúc: Các giai đoạn tốt và xấu trong chuỗi giá trị



Ý nghĩa của “đường cong hạnh phúc” đối với tăng trưởng và chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam như thế nào?

Richard Baldwin (2012), “Global Supply Chains: Why They Emerged and Why They Matter...”